UBND TỈNH QUẢNG NGÃI **SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2348 /SDTTG-DT	*Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 10 năm 2026*
V/v triển khai rà soát, thống kê chính sách thực hiện trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	

Kính gửi:
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Hội LHPN tỉnh;
- Tỉnh Đoàn;
- Hội Nông dân tỉnh;
- Liên minh HTX tỉnh;
- Chi nhánh Ngân hàng CSXH tỉnh;
- UBND các xã, phường[1] vùng đồng bào DTTS&MN.

Căn cứ Công văn số 3324/BDTTG-VPQGDTMN ngày 17/10/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về rà soát chính sách thực hiện trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 10837/UBND-KGVX ngày 18/10/2026 về việc triển khai Công văn số 3324/BDTTG-VPQGDTMN ngày 17/10/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo (có gửi kèm), trong đó giao nhiệm vụ cho Sở Dân tộc và Tôn giáo triển khai thực hiện[2]; Sở Dân tộc và Tôn giáo kính đề nghị Thường trực UBMTTQVN tỉnh, các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường có liên quan khẩn trương rà soát, báo cáo theo yêu cầu của Bộ Dân tộc và Tôn giáo các nội dung sau:

---

[1](1) Xã Phía đông: Trà Giang, Thiện Tín, Phước Giang, Nguyễn Nghiêm, Trà Bồng, Đông Trà Bồng, Tây Trà, Cà Đam, Thanh Bồng, Tây Trà Bồng, Sơn Thuỷ, Sơn Kỳ, Sơn Linh, Sơn Hạ, Sơn Hà, Sơn Tây, Sơn Tây Thượng, Sơn Tây Hạ, Minh Long, Sơn Mai, Ba Vì, Ba Tô, Ba Dinh, Ba Tơ, Ba Vinh, Ba Động, Ba Xa, Đặng Thùy Trâm; (2) Xã Phía Tây: Đăk Rve, Kon Braih, Đăk Kôi, Đăk Sao, Đăk Tờ Kan, Tu Mơ Rông, Măng Ri, Đăk Tô, Kon Đào, Ngọk Tụ, Ia Đal, Ia Tơi, Dục Nông, Sa Loong, Bờ Y, Rờ Kơi, Mô Rai, Ya Ly, Sa Thầy, Sa Bình, Kon Plông, Măng Bút, Măng Đen, Đăk Pxi, Đăk Mar, Đăk Ui, Ngok Réo, Đăk Hà, Phường Kon Tum, Phường Đăk Cấm, Phường Đăk Bla, Đăk Rơ Wa, Ngok Bay, Ia Chim, Đăk Long, Đăk Môn, Đăk Pek, Xốp, Đăk PLô, Ngọc Linh.

[2]Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan khẩn trương rà soát các chính sách đang thực hiện trên địa bàn tỉnh; đối chiếu với kết quả phân định giai đoạn 2026 - 2030; tổng hợp đầy đủ đối tượng, địa bàn, mức hỗ trợ và kinh phí thực hiện theo đề nghị của Bộ Dân tộc và Tôn giáo tại Công văn nêu trên; trực tiếp báo cáo Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 20 tháng 11 năm 2026

1. Các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan triển khai rà soát các chính sách đang thực hiện có đối tượng thụ hưởng trực tiếp là cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng dân cư, trong đó tập trung vào các nội dung sau:

a) Đối tượng:

- Người dân tộc thiểu số, hộ gia đình người dân tộc thiểu số.

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo và các nhóm đối tượng đặc thù.

- Cán bộ, công chức, học sinh, sinh viên, trẻ em, phụ nữ và các nhóm đối tượng khác được hưởng chính sách theo quy định.

- Các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ trực tiếp bằng tiền, hiện vật, hỗ trợ chi phí hoặc cung cấp dịch vụ.

b) Phạm vi địa bàn rà soát: Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (xã, thôn, tỉnh); khu vực I, II, III; thôn đặc biệt khó khăn; xã đặc biệt khó khăn.

c) Yêu cầu thực hiện: Đề nghị làm rõ các nội dung sau:

- Tên chính sách; căn cứ pháp lý; cơ quan ban hành; thời gian thực hiện.

- Mục tiêu, nội dung và hình thức hỗ trợ.

- Đối tượng và điều kiện thụ hưởng; trong đó xác định rõ điều kiện về đối tượng và điều kiện về địa bàn.

- Phạm vi địa bàn thực hiện, cụ thể: vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; khu vực I, II, III; thôn đặc biệt khó khăn; xã đặc biệt khó khăn.

- Mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ và nguồn kinh phí thực hiện.

- Kết quả thực hiện năm 2025 và năm 2026, gồm: số đối tượng, số lượt đối tượng, mức hỗ trợ và kinh phí thực hiện.

- Tác động của kết quả phân định theo Nghị định số 272/2025/NĐ-CP, trong đó làm rõ:

+ Số đối tượng tiếp tục được hưởng chính sách (giữ nguyên từ gđ 2021-2025 sang 2026-2030);

+ Số đối tượng không còn thuộc diện hưởng (Đối với thôn, xã trước rà soát thuộc xã: khu vực III, khu vực II, khu vực I, Thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021-2025 nhưng sau chia tách, sáp nhập rà soát lại tại Nghị định số 272/2025/NĐ-CP và được UBND tỉnh công nhận không còn khu vực III, khu vực II, khu vực I, Thôn đặc biệt khó khăn);

+ Số đối tượng phát sinh (Đối với thôn, xã trước rà soát không thuộc xã: khu vực III, khu vực II, khu vực I, Thôn đặc biệt khó khăn nhưng sau chia tách, sáp nhập rà soát tại Nghị định số 272/2025/NĐ-CP được UBND tỉnh công nhận là đặc biệt khó khăn);

+ Mức tăng, giảm kinh phí thực hiện (so sánh mức kinh phí thực hiện của gđ 2021-2025 và kinh phí đang triển khai của giai đoạn 2026-2030 thuộc các chính sách đã thực hiện và đang thực hiện);

* Nội dung báo cáo thống kê theo biểu số 01, biểu số 02 kèm Công văn này (có các biểu kèm theo), trong đó lưu ý không tổng hợp các chính sách thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia (bao gồm: Nông thôn mới, Giảm nghèo, Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào Dân tộc thiểu số và miền núi của giai đoạn 2021-2025 và các chính sách có liên quan đến các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 tại Nghị quyết số 46/2026/QH16 ngày 24/8/2026 và Nghị định số 387/2026/NĐ-CP ngày 12/10/2026 của Chính phủ quy định một số nội dung, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hoá - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026-2035).

2. Đề xuất mô hình thiết kế chính sách

Các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường có liên quan: nghiên cứu, đề xuất phương án hoàn thiện chính sách theo hướng xác định chính xác đối tượng, địa bàn và mức độ ưu tiên hỗ trợ trên cơ sở điều kiện kinh tế - xã hội, mức độ khó khăn và nhu cầu thực tế; bảo đảm nguồn lực được phân bổ có trọng tâm, trọng điểm, nâng cao hiệu quả chính sách và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước. Trong đó, xem xét tính khả thi của việc xác định phạm vi thụ hưởng theo cấp thôn hoặc các tiêu chí đặc thù khác đối với những chính sách có điều kiện áp dụng phù hợp.

3. Trên cơ sở kết quả rà soát; đề nghị các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường có liên quan thực hiện các nội dung:

- Đánh giá sự phù hợp của từng chính sách với kết quả phân định và điều kiện thực tế giai đoạn 2026 - 2030.

- Xác định các chính sách có thay đổi về phạm vi địa bàn, đối tượng thụ hưởng hoặc kinh phí thực hiện do kết quả phân định theo Nghị định số 272/2025/NĐ-CP; đồng thời làm rõ trường hợp thay đổi do các nguyên nhân khác.

- Đề xuất phương án xử lý đối với từng chính sách, gồm: tiếp tục thực hiện; điều chỉnh đối tượng hoặc phạm vi địa bàn; bổ sung quy định chuyển tiếp; sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chính sách.

- Nêu rõ những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị cụ thể về cơ chế, chính sách thuộc lĩnh vực quản lý.

4. Thời gian hoàn thành và gửi về Sở Dân tộc và tôn giáo trước ngày 15/11/2026 để tổng hợp, báo cáo Bộ Dân tộc và Tôn giáo và UBND tỉnh theo quy định.

* Đây là nội dung rất quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến việc triển khai thực hiện các chính sách dân tộc trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026-2030 và những năm tiếp theo, do đó Sở Dân tộc và Tôn giáo đề nghị Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị và địa phương quan tâm bố trí, phân công cán bộ, công chức triển khai thực hiện và đôn đốc kịp thời đúng theo tiến độ, thời gian, chất lượng, hiệu quả; các đề xuất về chính sách cần bám

sát thực tiễn, cơ sở trong thực hiện; thường xuyên phối hợp, trao đổi với bộ phận chuyên môn của Sở Dân tộc và Tôn giáo để được hướng dẫn thực hiện, khi có khó khăn, vướng mắc.

Thông tin chi tiết liên hệ ông Nguyễn Mai Chung, Chuyên viên phòng Dân tộc, SĐT 0972.548.661 hoặc ông Hồ Minh Tân, Chuyên viên Phòng Dân tộc, SĐT: 0964.190909 để được hướng dẫn;

Đề nghị Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh, các sở, ban ngành và UBND các xã, phường có liên quan phối hợp, thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Văn phòng và các phòng thuộc Sở;
- Lưu: VT, DT$_{(hmt)}$.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO
TỈNH QUẢNG NGÃI

Xiêng Thanh Phúc